

Số: /KH-BĐH

Hà Giang, ngày tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Truyền thông thay đổi hành vi Vệ sinh nông thôn Tỉnh Hà Giang năm 2021

I. CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH

1. Cơ sở pháp lý

- Quyết định số 1415/QĐ-TTg, ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục dự án Chương trình “Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vốn vay Ngân hàng thế giới;

- Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT, ngày 04/9/2015 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Văn kiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”;

- Quyết định số 3622/QĐ-BNN-HTQT, ngày 07/9/2015 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô Vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”;

- Quyết định số 3622/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015 của Bộ nông nghiệp và PTNT;

- Quyết định số 823/QĐ-UBND, ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà giang về việc bổ xung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021

- Quyết định số 319/QĐ-SYT, ngày 10/5/2021 của Sở Y tế tỉnh Hà giang về việc bổ xung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021

2. Thông tin chung của tỉnh và tình hình vệ sinh môi trường

2.1. Thông tin chung

Hà Giang là một tỉnh vùng cao núi đá, địa hình phức tạp, có độ dốc lớn, nhiều thung lũng và sông suối. Khí hậu mang nhiều sắc thái ôn đới được chia làm 2 mùa (mùa mưa và mùa khô). Vào mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ quét gây thiệt hại nhiều nhà cửa và tài sản của các hộ gia đình dẫn đến đời sống của nhân dân đã khó khăn lại thêm khó khăn hơn. Điều kiện vệ sinh môi trường chưa được cải thiện, nhận thức của người dân đối với vấn đề vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, đặc biệt là việc xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh còn hạn chế, chưa có thói quen rửa tay thường xuyên bằng xà phòng.

- Diện tích: 7.914,9 km².

- Dân số: tổng dân số của tỉnh 854.679 người, trong đó, dân số thành thị là 135.465 người, dân số nông thôn: 719214 người.

- Tổng số hộ là 176.433 hộ, trong đó hộ gia đình nông thôn: 144.756 hộ, hộ thành thị 31.677 hộ.

- Dân tộc: Có 19 dân tộc anh em sinh sống trong đó: Mông chiếm 31,8%, Tày 23,3%, Dao 15,1%, Kinh 13,3%, Nùng 9,9%, còn lại là các dân tộc khác.

- Tỷ lệ hộ đói nghèo: Hộ nghèo chiếm 31,17%, hộ cận nghèo chiếm 14%.

- Hành chính: Tỉnh Hà Giang bao gồm 01 thành phố và 10 huyện, 193 xã/phường (*136 xã đặc biệt khó khăn*); 2.069 thôn bản (trong đó 1.409 thôn bản đặc biệt khó khăn: khu vực II 160 thôn bản, khu vực III 1.249 thôn bản).

1.2. Thực trạng chung về nước sạch và vệ sinh môi trường

Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS) trong toàn tỉnh còn rất thấp, ước tính đến hết tháng 12/2020 tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu HVS toàn tỉnh là 63%; khu vực nông thôn là 40,23%. Tình trạng hộ gia đình không có nhà tiêu hoặc có nhà tiêu nhưng không hợp vệ sinh trên địa bàn toàn tỉnh chiếm gần 43%. Nhiều xã hoặc thôn/bản trong tình trạng không có nhà tiêu HVS. Thói quen phóng uế bừa bãi ra môi trường vẫn còn khá phổ biến. Kết quả xét nghiệm nước sinh hoạt khu vực nông thôn trong nhiều năm nay cho thấy trên 100% số mẫu nước thu thập được cho kết quả xét nghiệm không đạt 2 tiêu chuẩn về vi sinh (*Feacal Colirom và Colirom tổng số*). Phân và rác thải của người, gia súc không được thu gom và xử lý triệt để; Ở khu vực thành thị cũng chỉ là thu gom rác, chưa được xử lý đúng qui trình. Cùng với đó là cộng đồng chưa có được thói quen rửa tay với xà phòng hoặc các sản phẩm thay thế sau khi đi vệ sinh hoặc trước những thời điểm quan trọng. Nhận thức của người dân đối với vấn đề vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường bảo vệ sức khỏe còn rất hạn chế.

Tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh tại các Trạm Y tế là 84,6%; tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh của Trường học là 66%. Như vậy, vẫn còn một tỷ lệ khá cao Trạm Y tế và Trường học hiện chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh.

3. Tình hình triển khai Chương trình “Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” từ 2017 - 2020

Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” đã được triển khai từ năm 2016 đến nay và đã đạt được những kết quả cụ thể sau:

3.1. Năm 2016

- Vệ sinh toàn xã: Đăng ký 03 xã (Thanh Thủy, Đồng Yên và Xuân Giang) thực hiện Vệ sinh toàn xã nhưng không đạt do nguồn vốn năm 2016 không được cấp theo kế hoạch phê duyệt. (*Phụ lục IA*)

- Cải tạo và nâng cấp xây mới 10 công trình vệ sinh Trạm Y tế xã trong năm 2016 không hoàn thành do triển khai muộn (*đến tháng 12/2016 mới tổ chức thực hiện*) và không được cấp vốn theo kế hoạch phê duyệt.

- Truyền thông thay đổi hành vi: Hoàn thành các chỉ số kiểm đếm kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi theo yêu cầu kiểm đếm của WB. Tổng số kinh phí thực hiện 95.350.000 đồng (*Do UBND tỉnh tạm ứng thực hiện*)

3.2. Năm 2017

- Thực hiện Vệ sinh toàn xã:

+ Tổng số xã thực hiện vệ sinh toàn xã là: 12 xã gồm (3 xã của năm 2016 chuyển sang và đăng ký mới 09 xã) gồm Phương Tiến, Linh Hồ, Trung Thành, Vô Diêm, Việt Hồng, Vĩnh Hảo, Đông Thành, Hương Sơn, Vĩ Thượng. (Phụ lục IA)

+ Hoàn thành kiểm đếm và đạt vệ sinh toàn xã: 03 xã của năm 2016 với 508 hộ gia đình xây mới công trình vệ sinh. Tổng số kinh phí đã giải ngân 533.400.000 đồng.

+ 09 xã đăng ký mới năm 2017 không hoàn thành các tiêu chí kiểm đếm của Chương trình do nguồn kinh phí cấp quá muộn (tháng 12/2017 mới có Quyết định cấp kinh phí).

- Cải tạo, nâng cấp và xây mới công trình vệ sinh Trạm Y tế xã:

+ Tổng số công trình vệ sinh theo kế hoạch là: 18 công trình gồm 10 công trình năm 2016 chuyển sang và 8 công trình đăng ký mới.

+ Tổng số công trình đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng là 10 công trình từ 2016 chuyển sang.

+ Tổng số công trình chưa thực hiện được là 8 công trình

- Truyền thông thay đổi hành vi: Hoàn thành thực hiện nội dung truyền thông thay đổi hành vi đối với các hoạt động cốt lõi của Chương trình tại 12 xã với số kinh phí giải ngân là 995.600.000 đồng (trong đó trả 95.350.000 đồng cho Ngân sách tỉnh tạm ứng năm 2016 và 900.250.000 đồng của năm 2017).

- Vệ sinh nông thôn (Nhà tiêu hộ gia đình): Thực hiện hoàn thành xây mới, cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh của 1.350 (hộ); trong đó có 1.130 (hộ) bằng nguồn kinh phí của Chương trình hỗ trợ và 794 (hộ) tự thực hiện.

3.3. Năm 2018

- Thực hiện Vệ sinh toàn xã: Tổng số xã thực hiện vệ sinh toàn xã là 19 gồm 09 xã năm 2017 chuyển sang và đăng ký mới 10 xã (Quang Minh, Kim Ngọc, Hữu Sản, Tân Quang, Tân Thành, Bạch Ngọc, Ngọc Minh, Phong Quang, Tiên Nguyễn, Tân Trạnh). (Phụ lục IA)

- Cải tạo, nâng cấp và xây mới công trình vệ sinh Trạm Y tế xã:

+ Tổng số công trình vệ sinh xây mới, cải tạo và sửa chữa theo kế hoạch là: 16 công trình gồm 08 công trình năm 2017 chuyển sang và 8 công trình đăng ký mới năm 2018. Tuy nhiên tại quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 7/9/2018 UBND tỉnh Hà Giang chỉ phê duyệt tạm ứng để sửa chữa và cải tạo 02 công trình vệ sinh Trạm y tế xã Vô Diêm huyện Bắc Quang và xã Bạch Ngọc huyện Vị Xuyên.

+ Tổng số công trình đã hoàn thành và được nghiệm thu là: 10 công trình (08 công trình từ 2017 chuyển sang và 02 công trình đăng ký mới năm 2018)

+ Tổng số công trình chưa thực hiện được: 06

- Truyền thông thay đổi hành vi: Tổ chức thực hiện hoàn thành các hoạt động cốt lõi của Chương trình tại 10 xã với số kinh phí giải ngân là 960.615.000 đồng (nguồn kinh phí được cấp vào tháng 08/2018).

- Vệ sinh nông thôn (Nhà tiêu hộ gia đình): Thực hiện hoàn thành việc xây mới, cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh của 1.500 (hộ); trong đó có 1.450 (hộ) bằng nguồn kinh phí của Chương trình hỗ trợ và 451 (hộ) tự thực hiện.

3.4. Năm 2019

- Thực hiện Vệ sinh toàn xã:

+ Tổng số xã thực hiện vệ sinh toàn xã là: 08 xã gồm Tân Lập, Thanh Đức, Xín Chải, Kim Linh, Xuân Minh, Tân Bắc, Bằng Lang, Yên Hà (*phụ lục IA*)

+ Hoàn thành kiểm đếm 19 xã của năm 2017 và 2018 và đạt vệ sinh toàn xã 16 xã và 03 xã đạt tiêu chí kiểm đếm hộ gia đình: với 2580 hộ gia đình xây mới công trình vệ sinh. Tổng số kinh phí đã giải ngân 2.000.000.000 đồng.

- Cải tạo, nâng cấp và xây mới công trình vệ sinh Trạm Y tế xã: Tổng số công trình vệ sinh theo kế hoạch là: 25 công trình số công trình thực hiện là 24 công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 7 công trình còn 17 công trình dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng vào tháng 6/2020.

- Truyền thông thay đổi hành vi: Hoàn thành thực hiện nội dung truyền thông thay đổi hành vi đối với các hoạt động cốt lõi của Chương trình tại 08 xã với số kinh phí giải ngân là 595.800.000 đồng

- Vệ sinh nông thôn (*Nhà tiêu hộ gia đình*): Thực hiện hoàn thành việc xây mới, cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh của 1.500 (hộ) trong đó 1440 (hộ) bằng nguồn kinh phí của Chương trình hỗ trợ và 60 (hộ) tự thực hiện.

3.5 Năm 2020

- Thực hiện Vệ sinh toàn xã:

+ Tổng số xã thực hiện vệ sinh toàn xã là: 05 xã gồm Tiên Kiêu Bắc Quang, Quảng Ngần, Ngọc Linh huyện Vị Xuyên, Tiên Yên, Tân Nam huyện Quang Bình (*phụ lục IA*)

+ Hoàn thành kiểm đếm và kiểm đếm bền vững 22 xã. Tổng số kinh phí đã giải ngân 2.536.000.000 đồng.

- Cải tạo, nâng cấp và xây mới công trình vệ sinh Trạm Y tế xã: Tổng số công trình vệ sinh theo kế hoạch là: 15 công trình số công trình thực hiện là 15 công trình dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng vào tháng 9/2021.

- Truyền thông thay đổi hành vi: Hoàn thành thực hiện nội dung truyền thông thay đổi hành vi đối với các hoạt động cốt lõi của Chương trình tại 05 xã với số kinh phí giải ngân là 516.698.000 đồng

- Vệ sinh nông thôn (*Nhà tiêu hộ gia đình*): Thực hiện hoàn thành việc xây mới, cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh của 450 (hộ) trong đó 300 (hộ) bằng nguồn kinh phí của Chương trình hỗ trợ và 150 (hộ) tự thực hiện

4. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch truyền thông

Kế hoạch truyền thông được xây dựng theo các nguyên tắc sau:

- Tích hợp ba hợp phần chính trong truyền thông (Tạo cầu và truyền thông thay đổi hành vi; phát triển thị trường vệ sinh, thúc đẩy môi trường thuận lợi). Cả 3 hợp phần cần được triển khai đồng bộ và gắn kết với nhau theo một lộ trình phù hợp: Tạo nhu cầu và truyền thông thay đổi hành vi về điều kiện vệ sinh được cải thiện, phát triển thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ vệ sinh, vận động chính sách thúc đẩy môi trường thuận lợi nhằm đưa ra các chính sách, khung thể chế và tài chính, để từ đó tạo ra các chương trình vệ sinh nông thôn có hiệu quả, bền vững và có thể nhân rộng trên quy mô lớn.

- Chuẩn hoá các hoạt động truyền thông về vệ sinh cho mỗi cấp triển khai khác nhau (tỉnh, huyện, xã, thôn) để có thể dễ dàng đem nhân rộng áp dụng ra nhiều huyện khác nhau. Thiết kế dạng mô-đun cho các gói hoạt động, để cấp tỉnh và huyện có thể triển khai theo từng tháng, lựa chọn và ưu tiên triển khai ở một số xã nhất định trong giai đoạn đầu của chương trình và sau đó mở rộng ra các huyện, xã còn lại, hoặc triển khai chiến dịch trên diện rộng nếu có đủ kinh phí. Thời gian đề xuất triển khai một cách toàn diện kế hoạch cho một xã ít nhất là 12 tháng, tuy nhiên các xã nên tiến hành các hoạt động chuẩn bị vào năm trước năm triển khai chính thức và có các hoạt động duy trì tối thiểu ít nhất là 01 năm sau năm can thiệp chính để đảm bảo tính bền vững của các hoạt động can thiệp.

Căn cứ cơ sở pháp lý, điều kiện thực tiễn tại địa phương, kết quả triển khai hoạt động Chương trình trong những năm qua và nguyên tắc xây dựng kế hoạch truyền thông, Ban điều hành Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” tỉnh Hà Giang xây dựng Kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh nông thôn năm 2021 với những nội dung như sau:

II. MỤC TIÊU TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI VỆ SINH NĂM 2021

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân nông thôn nhằm cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, tăng cường tỷ lệ người dân được tiếp cận bền vững với nước sạch và vệ sinh nông thôn được cải thiện cho người dân tỉnh Hà Giang.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

- 10 xã triển khai thực hiện xã vệ sinh toàn xã bền vững (*Chi tiết Phụ lục IB*)

+ 100% cán bộ Trạm Y tế xã, y tế thôn bản tham gia thực hiện Chương trình được đào tạo tập huấn về các mô hình thúc đẩy vệ sinh; truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh; thúc đẩy thị trường vệ sinh, kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, nhà tiêu HGD; nhà tiêu trường học và trạm y tế;

+ Các cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể các cấp và những người có vai trò lãnh đạo trong cộng đồng như trưởng thôn, bản tại địa phương được cung cấp thông tin về tầm quan trọng và các nội dung vệ sinh nông thôn;

3. Chỉ số đầu ra mong muốn hợp phần vệ sinh của tỉnh năm 2021

- 03 huyện được can thiệp từ Chương trình;

- 10 xã đạt “Xã Vệ sinh toàn xã duy trì bền vững”,

III. ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Đối tượng hưởng lợi

- Là các hộ gia đình nông thôn, ngoài ra các cán bộ tham gia cũng sẽ được tăng cường năng lực trong quá trình thực hiện chương trình.

- Là học sinh, giáo viên ở các trường tiểu học, trường mầm non và trung học cơ sở trên địa bàn 10 xã thuộc Chương trình vệ sinh toàn xã bền vững và 01 xã vệ sinh toàn xã năm 2021 mà Chương trình “RB-SupRSWS” triển khai.

2. Nội dung hoạt động

Các hoạt động dưới đây nhằm thúc đẩy thực hiện mục tiêu của kế hoạch truyền thông, tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Tạo môi trường thuận lợi;
- Tạo cầu; truyền thông thay đổi hành vi;
- Phát triển thị trường vệ sinh.

(Chi tiết thực hiện theo các Phụ lục IIA, IIIA, IIIB, IIIC và VI)

2.1. Tạo môi trường thuận lợi

Tập trung vào các hoạt động chính là: Vận động chính sách; Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện; Giám sát và đánh giá.

2.1.1. Các hoạt động vận động chính sách

- Vận động chính sách thông qua các kênh khác nhau bao gồm các phương tiện truyền thông đại chúng; sử dụng Video, tài liệu cung cấp các bằng chứng về tác động của vệ sinh đến sức khỏe và xã hội và các công cụ thông tin khác được thiết kế cho những người ra quyết định và lãnh đạo.

- Các hội nghị triển khai các cấp: Lồng ghép các mục tiêu thu hút sự quan tâm của các cấp lãnh đạo.

- Xác định và khích lệ các điển hình địa phương là điều quan trọng để thành công. Chương trình sẽ thực hiện cách tiếp cận dựa trên kết quả với phần thưởng và ghi nhận các điển hình thành công, xuất sắc. Cơ chế khen thưởng sẽ được xây dựng dựa trên hỗ trợ kỹ thuật hiện tại trong khuôn khổ PorR NSVSNT.

2.1.2. Các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình các cấp

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tiếp nhận tài liệu, bộ công cụ phục vụ cho hoạt động truyền thông từ Chương trình trung ương và tập huấn chuyển giao cho tuyến huyện, tuyến xã thực hiện, sử dụng theo hướng dẫn của Chương trình.

- Lựa chọn giảng viên nòng cốt tuyến tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh lựa chọn các giảng viên nòng cốt cấp tỉnh, cử đi tập huấn các lớp do Chương trình trung ương tổ chức, những giảng viên này sẽ tập huấn lại cho các cán bộ cấp huyện.

- Tập huấn cho giảng viên nòng cốt (TOT): Các giảng viên nòng cốt được tập huấn ở Trung ương là giảng viên cho các cấp thấp hơn để truyền đạt lại các kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng truyền thông tại cộng đồng. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh sẽ hỗ trợ TTYT huyện và Trạm Y tế xã trong việc lựa chọn các cán bộ tham gia tập huấn và triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng. Các lớp tập huấn ở các cấp tại địa phương sẽ tập trung vào các nội dung sau:

+ Kỹ năng truyền thông vận động cộng đồng thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường;

+ Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình;

+ Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình; xây dựng và sử dụng nhà tiêu cải thiện, tiếp thị vệ sinh và kết nối chuỗi cung-cầu.

- Các khóa tập huấn cho cán bộ thực hiện dự án:

+ Cấp huyện: Xây dựng năng lực về lập kế hoạch cấp huyện, vận động chính sách, hỗ trợ và giám sát, điều phối giữa các hoạt động BCC và tăng cường chuỗi cung cấp khu vực tư nhân.

+ Cấp xã: Xây dựng năng lực về lập kế hoạch cấp xã, hỗ trợ và giám sát thực hiện, và kết nối với khu vực tư nhân. Kỹ năng truyền thông - vận động vệ sinh cũng là một trong các nội dung sẽ tập huấn cho cán bộ tuyến xã. Đối tượng tập huấn cho tuyến xã là Ban Chăm sóc sức khỏe nhân dân đối với các xã can thiệp để đạt tiêu chí “Vệ sinh toàn xã”; đối với các xã khác do nguồn lực hạn chế nên đối tượng tập huấn chỉ tập trung cho cán bộ Y tế xã, mỗi xã 2 cán bộ - trưởng trạm y tế và cán bộ phụ trách chương trình của Trạm Y tế.

+ Cấp thôn bản: Bao gồm cán bộ y tế, trưởng thôn/làng, tổ chức quần chúng - xây dựng năng lực về triển khai các hoạt động truyền thông, theo dõi và báo cáo;

- Tập huấn cho khu vực tư nhân để phát triển thị trường vệ sinh phát triển các mô hình kinh doanh nhằm thúc đẩy thị trường vệ sinh phát triển. Hoạt động này bao gồm các khóa tập huấn sau:

+ Tập huấn về kỹ thuật xây dựng nhà tiêu cho thợ xây và CHTI bao gồm: Các loại nhà tiêu và cấu tạo từng loại; Các vật liệu thay thế để xây nhà tiêu xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh giá rẻ, các kỹ thuật xây nhà tiêu.

+ Tập huấn về kỹ năng tiếp thị bán hàng cho CTV ở thôn bản và các CHTI.

+ Hướng dẫn các chủ CHTI xây dựng KHKD, cung cấp các thông tin về thị trường vệ sinh tiềm năng ở địa phương và giúp cửa hàng dự đoán thị trường và dự tính tài chính trước khi triển khai mô hình kinh doanh CHTI. Đây là hoạt động được thực hiện tại cơ sở từng CHTI, có sự tham gia của chủ CHTI, thợ xây của CHTI.

- Tập huấn cho giảng viên nòng cốt của hệ thống giáo dục (TOT): Các giảng viên nòng cốt của sở giáo dục được tham gia tập huấn TOT cấp trung ương sẽ là giảng viên tập huấn lại cho cán bộ ngành GD&ĐT và cán bộ các trường học cấp dưới, nhằm nâng cao năng lực thực hiện chương trình/hoạt động:

+ Lòng ghép truyền thông về vệ sinh cá nhân (rửa tay bằng xà phòng - cho trẻ em mẫu giáo và tiểu học...).

+ Sử dụng và bảo quản công trình nước và vệ sinh ở trường học.

2.1.3. Giám sát đánh giá

- Thực hiện điều tra ban đầu về hiện trạng vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh trong trường học của tất cả các điểm trường chính và vệ sinh Trạm y tế của các xã dự kiến thực hiện Vệ sinh toàn xã. Kết quả điều tra sẽ phục vụ cho các ban ngành cấp tỉnh thống nhất và ra quyết định thực hiện hoặc thay đổi các xã lựa chọn.

- Tiếp nhận và triển khai các mẫu biểu theo dõi, báo cáo chuẩn từ Chương trình trung ương để theo dõi việc thực hiện các hoạt động BCC và cung cấp dịch vụ vệ sinh. Các báo cáo sẽ được sử dụng để thẩm tra việc thực hiện kế hoạch BCC.

- Tiếp tục duy trì bảng cơ sở dữ liệu nhà tiêu để theo dõi tình hình sử dụng nhà tiêu trên phạm vi toàn tỉnh. Bảng cơ sở dữ liệu có thể được sửa đổi cho phù hợp với Chương trình và được cập nhật 6 tháng 1 lần.

- Triển khai các hoạt động giám sát việc thực hiện chương trình tại cộng đồng:
 - + Giám sát của tuyến tỉnh: Đối với giám sát chung các hoạt động của Chương trình sẽ thực hiện 2 lần/năm. Thực hiện giám sát, hỗ trợ 1 lần/hoạt động đối với các hoạt động như tập huấn, truyền thông, tổ chức sự kiện... của tuyến huyện, xã, thôn/bản.
 - + Giám sát của tuyến huyện: Thực hiện hàng tháng đối với các xã thực hiện vệ sinh toàn xã. Tất cả các hoạt động như họp dân, thăm hộ tại thôn bản đều được cán bộ xã giám sát.
 - + Giám sát duy trì VSTX: Mỗi xã chọn 4 CTV tham gia thực hiện giám sát tại xã mình sau khi đã đạt VSTX nhằm duy trì tính bền vững.
- Thực hiện báo cáo tiến độ theo đúng định kỳ sau:
 - + Tuyên truyền viên thôn bản sẽ lập các báo cáo hoạt động tại thôn theo từng tháng và nộp lại cho cán bộ Trạm Y tế vào ngày 30 hàng tháng.
 - + Đối với hoạt động BCC ở cấp xã, Trạm Y tế sẽ lập báo cáo theo quý và nộp cho Trung tâm Y tế huyện vào ngày 30 của tháng cuối quý.
 - + Trung tâm Y tế huyện tổng hợp báo cáo và gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật theo quý vào ngày 5 tháng đầu của mỗi quý tiếp theo.
 - + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổng hợp báo cáo cho Ban Điều hành chương trình tỉnh Hà Giang, Cục Quản lý Môi trường Y tế hàng quý vào ngày 20 đầu tháng mỗi quý tiếp theo. Năm 2021 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổng hợp một báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; sau đó được nộp lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Y tế ở cấp Trung ương cùng với kế hoạch BCC cho năm tiếp theo.
 - + Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh báo cáo hàng quý cho Vụ Công tác Học sinh - Sinh viên Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo năm cho Bộ Giáo dục & Đào tạo sau đó được nộp lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Giáo dục & Đào tạo cùng với kế hoạch BCC hàng năm cho năm tiếp theo chịu trách nhiệm.
- Quy trình theo dõi và báo cáo cho vệ sinh toàn xã cũng được xây dựng, bao gồm theo dõi tình hình vệ sinh được duy trì ở mẫu giáo, tiểu học và trung học công lập, và các trạm y tế cho những xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh toàn xã sau hai năm thực hiện. Các quy trình này sẽ được KTNN sử dụng để thẩm tra kết quả đạt được.

2.2. Các hoạt động tạo cầu, truyền thông thay đổi hành vi

2.2.1. Cấp tỉnh, huyện

- Hội nghị lập kế hoạch triển khai chương trình vệ sinh, hội nghị tổng kết việc thực hiện chương trình cấp tỉnh/huyện được tổ chức để có được sự cam kết của chính quyền và các bên liên quan tạo điều kiện và thực hiện chương trình.
- Xây dựng kế hoạch triển khai, giám sát cấp tỉnh/huyện: Tỉnh tham gia chương trình sẽ chuẩn bị kế hoạch hàng năm cho năm tiếp theo trước ngày 31/7 hàng năm, trong đó có thông tin về đề xuất, ngân sách, mục tiêu DL1 hàng năm và thông tin liên quan khác.

- Ký kết hợp đồng in ấn, sản xuất và phân phối tài liệu, vật liệu truyền thông theo quy định: toàn bộ các tài liệu/công cụ truyền thông được sử dụng trong quá trình thực hiện sẽ do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh in ấn và cấp về cho huyện, xã, thôn theo số lượng được dự trù cụ thể:

+ Danh mục sản phẩm nhà tiêu HVS (sổ tay): Tài liệu này được phát cho cán bộ chuyên trách của xã, CHTI, thợ xây và công tác viên bán hàng.

+ Bộ tranh tuyên truyền về vệ sinh và rửa tay bằng xà phòng: Tài liệu này được phát cho cán bộ chuyên trách của xã và tuyên truyền viên thôn bản.

+ Tờ rơi hướng dẫn quy trình lắp đặt các loại nhà tiêu, tờ rơi hướng dẫn cách sử dụng các loại nhà tiêu: Dùng để cấp cho các hộ gia đình trong hoạt động hợp thôn, các sự kiện truyền thông hoặc thăm hộ gia đình.

+ Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn: Tài liệu này được phát cho cán bộ chuyên trách tỉnh, huyện.

+ Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn: Tài liệu này được phát cho cán bộ xã, thôn.

+ Sổ tay hướng dẫn xây dựng CHTI và mạng lưới bán hàng: Tài liệu này phát cho cán bộ chuyên trách của tỉnh, huyện, CHTI, CTV bán hàng.

+ Định hướng chiến lược truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh hộ gia đình - Rửa tay bằng xà phòng và thúc đẩy thị trường vệ sinh: Tài liệu này được phát cho cán bộ chuyên trách tỉnh, huyện, UBND xã và trạm y tế.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông và triển khai các chương trình truyền thông trên kênh thông tin đại chúng:

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Giang xây dựng phóng sự/chuyên đề về vệ sinh dài khoảng 5-10 phút để phát trên Đài Truyền hình tỉnh.

+ Viết tin bài về vệ sinh đăng trên báo Hà Giang.

+ Phát clip truyền thông (trong vòng 30s - do WSP xây dựng và cung cấp) trên đài truyền hình Hà Giang.

2.2.2. Các hoạt động truyền thông tại cấp xã

Xã là đơn vị hành chính cơ sở với hệ thống chính trị đồng bộ, có vai trò quyết định. Do đó cần thiết xây dựng cấp xã là cấp thực hiện cơ bản trong các Chương trình Vệ sinh nông thôn (VSNT), trong đó Trạm Y tế xã trở thành tổ chức thực hiện VSNT chủ chốt, tiên phong trong việc vận động người dân xây và sử dụng nhà tiêu cải thiện và thay đổi hành vi vệ sinh một cách bền vững. Các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về nhà tiêu cải thiện do cán bộ y tế cấp xã làm đầu mối tổ chức, điều hành với sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội như hội phụ nữ, cụ thể như sau:

- Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh của xã: Hội nghị này được thực hiện với nội dung và hình thức tương tự như hội nghị cấp tỉnh/huyện.

- Phát tin, bài qua loa truyền thanh: Tại các xã có hệ thống loa truyền thanh, sẽ đưa những tiểu phẩm do chương trình đã xây dựng, những bản tin, những quy định pháp luật, những tấm gương điển hình hoặc đơn giản là giới thiệu mô hình

chuỗi cung ứng... liên quan đến vệ sinh. Các bản tin sẽ do cán bộ y tế xã biên soạn và chịu trách nhiệm phát.

2.2.3. Các hoạt động truyền thông tại cấp thôn

- Phần lớn các nỗ lực BCC sẽ được tập trung vào những mục tiêu phát huy hiệu quả nhất trong thay đổi hành vi ở hộ gia đình, thôn/bản, ở cấp xã; trường mẫu giáo, tiểu học sau khi tiếp nhận các công trình mới trong chương trình. Cách tiếp cận chung là thông qua chiến dịch truyền thông thay đổi hành vi được thực hiện bởi các cán bộ y tế thôn/bản, được hỗ trợ bởi cộng tác viên, hội phụ nữ, các đơn vị liên quan.

- Mỗi thôn sẽ cập nhật sự thay đổi tình hình vệ sinh thôn theo định kỳ hàng quý. Bản đồ thôn sẽ được tuyên truyền viên sử dụng trong các cuộc họp thôn chuyên về vệ sinh, trong các buổi họp lồng ghép và được treo ở nhà văn hóa thôn.

- Các cuộc họp thôn chuyên đề về vệ sinh: Họp thôn chuyên đề về vệ sinh sẽ do cán bộ y tế thôn bản cùng với trưởng thôn điều hành. Mỗi thôn sẽ tổ chức ít nhất 01 cuộc họp thôn lồng ghép trong các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể hoặc các cuộc họp khác của thôn. Họp lồng ghép (*kết hợp nội dung vệ sinh trong các cuộc họp thôn thông thường*) các cuộc họp thường kỳ trong thôn sẽ đưa thêm các nội dung về vệ sinh vào trong chương trình cuộc họp, đề cập các thông tin cập nhật về các vấn đề vệ sinh và tình trạng vệ sinh trong thôn.

- Tuyên truyền trên loa phát thanh: Tại những xã có hệ thống loa từng thôn bản độc lập sẽ phát tương tự như chương trình được xây dựng ở mục phát qua loa truyền thanh xã.

2.3. Các hoạt động truyền thông trong trường học

2.4.1. Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông cấp tỉnh

- Tổ chức Hội nghị triển khai các hoạt động thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021 của ngành GD&ĐT Hà Giang.

- Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổ chức sau đó về triển khai tại các trường học 3 cấp học chính (Mầm Non, tiểu học và THCS) trên địa bàn 10 xã thuộc Chương trình vệ sinh toàn xã bền vững và 01 xã vệ sinh toàn xã năm 2021.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên môn thuộc 03 phòng GD&ĐT các huyện Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên; Ban giám hiệu, giáo viên và cán bộ y tế trường học của 10 xã thuộc Chương trình vệ sinh toàn xã bền vững và 01 xã vệ sinh toàn xã năm 2021 về các nội dung liên quan đến chương trình vệ sinh và nước sạch trong trường học.

- Thực hiện in ấn và cung cấp tài liệu tuyên truyền cho các trường học của 10 xã thuộc Chương trình vệ sinh toàn xã bền vững và 01 xã vệ sinh toàn xã năm 2021 (tài liệu do Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT cấp). Tài liệu tuyên truyền gồm tài liệu hướng dẫn Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường dùng trong các trường Mầm non, Tiểu học và THCS. Tài liệu tập huấn cho giáo viên nguồn; giáo viên trực

tiếp đứng giảng các cấp học; tài liệu truyền thông cho học sinh, giáo viên và cho cha mẹ học sinh, ...

- Thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện các hoạt động của 03 phòng GD&ĐT, các trường học thuộc Chương trình để nắm bắt tình hình và hướng dẫn, đôn đốc kịp thời các nội dung hoạt động cho phù hợp với học sinh các cấp học.

2.4.2. Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông cấp trường

- Xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trường học năm 2021.

- Triển khai lồng ghép các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trường học vào các buổi sinh hoạt, chào cờ, hoạt động ngoài giờ,

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Đối với hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh tại cộng đồng do Ngành Y tế thực hiện

Bảng 1. Nguồn kinh phí dự kiến hoạt động truyền thông tại cộng đồng của Ngành Y tế năm 2021.

STT	Cấp hoạt động	tiền	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			Trung ương	Địa phương	
1	Cấp tỉnh	264.700.000		264.700.000	
2	Cấp huyện	31.800.000		31.800.000	
3	Cấp xã	40.500.000		40.500.000	
Cộng		337.000.000		337.000.000	

(Chi tiết Phụ lục VA, VB kèm theo)

2. Đối với hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh tại Trường học do Ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện

Bảng 2. Nguồn kinh phí hoạt động truyền thông tại cộng đồng của Ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2021

STT	Cấp hoạt động	Số tiền	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			Trung ương	Địa phương	
1	Cấp tỉnh	110.809.000		110.809.000	
2	Cấp trường	không		không	
Cộng		110.809.000		110.809.000	

(Chi tiết Phụ lục VA, VB kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ngành Y tế

1.1. Sở Y tế

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật làm đầu mối chịu trách nhiệm hướng dẫn và thực hiện các hoạt động vệ sinh trong Chương trình.

- Chỉ đạo các đơn vị y tế tuyến huyện hưởng lợi triển khai hoạt động của Chương trình.

1.2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

- Là cơ quan đầu mối tổng hợp và hoàn thiện kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh của Ngành Y tế và Sở Giáo dục & Đào tạo;

- Là đầu mối tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông thay đổi hành vi;

- Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện và UBND xã tổ chức tập huấn, triển khai giám sát xã triển khai thực hiện chương trình;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan của tỉnh xây dựng kế hoạch và lập dự toán kinh phí ngân sách hàng năm về thực hiện hợp phần vệ sinh;

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá tiến độ của các hoạt động vệ sinh;

- Phối hợp với các bên liên quan; cung cấp hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát kỹ thuật cho cấp huyện và xã trong thực hiện các hoạt động vệ sinh nông thôn.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai các hoạt động về vệ sinh trường học; Cùng Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh hỗ trợ trường học vận hành và bảo dưỡng các công trình nước. Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) về xây dựng Kế hoạch truyền thông về vệ sinh lớp học.

3. Ủy ban nhân dân huyện

- Chỉ đạo các phòng, ban của huyện, Trung tâm Y tế huyện và Ủy ban nhân dân các xã, Trạm y tế, trường học triển khai thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi nước sạch, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân trên địa bàn các huyện.

- Kiểm tra, giám sát các xã triển khai Chương trình, bố trí các nguồn lực khác cho các xã thực hiện đạt các tiêu chí của Chương trình quy định.

4. Trung tâm Y tế huyện

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện và chỉ đạo Trạm y tế các xã triển khai Chương trình phối hợp với các ban ngành liên quan triển khai thực hiện công tác truyền thông thay đổi hành vi nước sạch, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân trên địa bàn các huyện.

- Kiểm tra, giám sát hỗ trợ kỹ thuật cho các xã thực hiện Chương trình.

5. UBND xã

- Tổ chức các nội dung truyền thông thay đổi hành vi cấp xã, vận động các hộ gia đình xây dựng, cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh rửa tay bằng xà phòng.

- Kiểm tra, giám sát đôn đốc các thôn thực hiện các tiêu chí của Chương trình.

6. Trạm Y tế xã

- Tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình trên địa bàn xã.

- Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh và truyền thông thay đổi hành vi cho các thôn.

- Kiểm tra, giám sát các thôn thực hiện các tiêu chí của Chương trình.

7. Trưởng thôn và Y tế thôn, bản

- Cập nhật bản đồ vệ sinh thôn để đánh giá tỷ lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh và rửa tay bằng xà phòng của thôn.

- Hợp thôn tuyên truyền các hộ xây dựng, cải tạo và sử dụng bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh, rửa tay bằng xà phòng.

- Kiểm tra, giám sát đôn đốc các hộ gia đình trong thôn duy trì sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

8. Các ban ngành liên quan

Trong thực hiện kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh (BCC) các cấp bao gồm Hội liên hiệp phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức tín dụng, NHCSXH và khu vực tư nhân như các nhà sản xuất, cung cấp, cửa hàng tiện ích, thợ xây..., từ tuyến tỉnh, huyện đến xã, thôn phối hợp tổ chức thực hiện.

Trên đây là bản kế hoạch Truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh nông thôn thuộc Chương trình “Mở rộng quy mô Vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn Ngân hàng Thế giới tỉnh Hà Giang năm 2021./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý môi trường Y tế;
- Vụ quản lý HSSV (Bộ Giáo dục&ĐT);
- UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- Sở Y tế;
- Sở Tài chính;
- Sở GD&ĐT;
- Trung tâm NS&VSMTNT;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- UBND huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình;
- TTYT huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Lương Viết Thuận**

Phụ lục I

ĐỊA BÀN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÃ DUY TRÌ TRONG NĂM 2021

STT	Địa bàn thực hiện	Số thôn	Tổng số hộ	Tỷ lệ nhà tiêu HVS (%)	Năm đạt VSTX	Ghi chú
I	BẮC QUANG					
1	Tân Lập	8	489	97	2019	
2	Hữu Sản	11	563	91.1	2019	
II	QUANG BÌNH					
3	Xã Xuân Minh	10	543	98	2019	
4	Xã Yên Hà	10	935	88	2019	
5	Xã Tân Bắc	7	1.017	72	2019	
6	Xã Bằng Lang	11	1.546	97	2019	
III	VỊ XUYÊN					
7	Xã Kim Linh	9	641	97	2019	
8	Xã Xín Chải	3	181	96	2019	
9	Xã Thanh Đức	4	183	80	2019	
10	Xã Bạch Ngọc	9	872	86.1	2019	

Phụ lục IIA
KẾ HOẠCH CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI CẤP TỈNH
DO NGÀNH Y TẾ THỰC HIỆN NĂM 2021

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
1	Hội nghị tổng kết năm 2020 và triển khai kế hoạch năm 2021	01 Hội nghị	Tháng 6/2021	Sở Y tế	Trung tâm KSBT	Lồng ghép với cuộc họp giao ban của ngành	- Biên bản họp - Danh sách đại biểu
2	Tập huấn truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ tỉnh, huyện Tập huấn TOT cho cán bộ nông cốt tuyên truyền tỉnh/huyện nâng cao năng lực truyền thông vệ sinh môi trường, lập kế hoạch và báo cáo.	- 01 lớp/năm	Tháng 7/2021	TTKSBT		10.535	- Giấy mời - Báo cáo kết quả tập huấn - Danh sách học viên tham gia khóa tập huấn
3	Các hoạt động truyền thông về vệ sinh cấp tỉnh						
3.1	Chương trình truyền thông (trên kênh thông tin đại chúng)	Mỗi tháng 1 lần/năm		TTKSBT	- Truyền hình Hà Giang - Báo Hà Giang	20.000	- Bài truyền thông - Báo cáo kết quả
3.2	Sản xuất tài liệu truyền thông và phân phối tài liệu truyền thông. - Danh mục sản phẩm nhà tiêu HVS - Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn - Sổ tay hướng dẫn xây dựng CHTI và mạng lưới bán hàng - Định hướng chiến lược truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh hộ gia đình - Rửa tay bằng xà phòng và thúc đẩy thị trường vệ sinh. - In ấn tờ rơi truyền thông	- 120 bộ - 100 quyển - 150 quyển - 20 quyển 22.000 tờ	Tháng 7/2020	TTKSBT	TTYT huyện, Trạm Y tế xã, Trường học	80.800	- Kế hoạch phân bổ - Mẫu tài liệu, tờ rơi truyền thông

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
-	Lắp đặt áp phích mỗi xã 2 áp phích tại trường học và Trạm y tế xã		Tháng 8/2021	TTKSBT	TTYT huyện, Trạm Y tế xã, Trường học	25.000	- Ảnh chụp - Báo cáo
4	Hỗ trợ xây dựng kế hoạch triển khai và kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình tại tuyến huyện, xã						
4.1	Kiểm tra, giám sát tại hộ gia đình, trạm y tế xã và trường học (xã bền vững)	- 12 đợt/7 tháng	- Tháng 5-12/2021	TTKSBT	- TTYT huyện và 05 trạm y tế xã	54.960	- Biên bản giám sát từng lần
4.2	Ban giám đốc và cán bộ đi dự hội nghị, hội thảo tại TW (Các bộ, ngành tổ chức)	- 04 lần/năm	Tháng 8,9,10,11/2021	TKSBT		13.142	- Giấy mời, kế hoạch tham dự
5	Xét nghiệm nước theo quy chuẩn nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT) tại Trường học và Trạm Y tế các xã thực hiện xã duy trì vệ sinh toàn xã 2019	- 1 mẫu/trạm x 10 trạm - 1 mẫu/ trường x 33 trường	Tháng 12/2021	TTKSBT	TTYT huyện, Trạm Y tế xã, Trường học	60.263	- Biên bản lấy mẫu - Phiếu kết quả xét nghiệm - Kế hoạch và báo cáo
CỘNG						264.700	

Phụ lục IIB
KẾ HOẠCH CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI CẤP TỈNH
DO NGÀNH GIÁO DỤC THỰC HIỆN NĂM 2021

NỘI DUNG		Số lần/ Số trường/ Số tập huấn...	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (Triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
CẤP TỈNH, HUYỆN						110.809	
1	Hội nghị triển khai kế hoạch truyền thông năm 2021; thành phần: Lãnh đạo Sở Y tế; Sở Nông nghiệp; TT Kiểm soát bệnh tật; TT Nước sạch và Vệ sinh môi trường: 04 người; Lãnh đạo, chuyên viên Sở GD&ĐT: 05 người; Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn phòng GD&ĐT: 02 người/phòng x 3 phòng = 6 người; Ban giám hiệu các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn 10 xã thuộc Chương trình vệ sinh toàn xã bền vững và 01 xã vệ sinh toàn xã năm 2021: 02 người/trường x 31 trường = 62 người	1 lần/31 trường/77 người)	Tháng 8/2021	Phòng GDTrH	Phòng KHTC, TT nước sạch tỉnh	6.465	- Biên bản Hội nghị - Danh sách đại biểu (có chữ ký)
2	Tập huấn triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trường học năm 2021; Thành phần: Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn phòng GD&ĐT: 02 người/phòng x 3 phòng = 6 người; Ban giám hiệu các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn 10 xã thuộc Chương trình vệ sinh toàn xã bền vững và 01 xã vệ sinh toàn xã năm 2021: 02 người/trường x 31	1 lần/31 trường/68 người)	Tháng 8/2021	Phòng GDTrH	Phòng KHTC, TT nước sạch tỉnh	11.800	- Giấy mời - chương trình tập huấn - Báo cáo kết quả tập huấn - Danh sách học viên tham gia khóa tập huấn (có chữ ký)

	trường = 62 người						
3	In tài liệu truyền thông (Tranh, áp phích, đĩa DVD, tài liệu hướng dẫn rửa tay bằng xà phòng và sử dụng nhà tiêu HVS ...) đối với cấp học Mầm non, tiểu học và THCS tại 5 xã VSTX năm 2021.	31 trường	Tháng 9/2021	Phòng GDTrH	Phòng KHTC	72.000	
4	Công tác kiểm tra giám sát tại các trường thuộc xã VSTX năm 2021	1 lần/3 huyện/6 người	Tháng 10/2021 đến tháng 12/2021	Phòng GDTrH	Phòng KHTC, thanh tra	20.544	- kế hoạch

Phụ lục IIIA
PHẠM VI VÀ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH THEO CẤP HUYỆN NĂM 2021

TT	Tên xã thực hiện vệ sinh toàn xã năm 2021	Số thôn trong xã	Tổng số hộ trong xã	Số dân hưởng lợi trong xã	Tỷ lệ nhà tiêu HVS (%)
	Xã duy trì vệ sinh toàn xã				
1	Xã Tân Lập huyện Bắc Quang	8	496	2.469	97
2	Xã Xuân Minh huyện Quang Bình	10	543	2.699	98
3	Xã Yên Hà huyện Quang Bình	10	935	4.129	88
4	Xã Tân Bắc huyện Quang Bình	7	1.017	4.786	72
5	Xã Bàng Lang huyện Quang Bình	11	1.546	6.840	97
6	Xã Kim Linh huyện Vị Xuyên	9	630	2.965	97
7	Xã Xín Chải huyện Vị Xuyên	3	190	967	96
8	Xã Thanh Đức huyện Vị Xuyên	4	186	945	80
9	Bạch Ngọc huyện Vị Xuyên	9	856	4.185	86.1
10	Hữu Sản huyện Bắc Quang	11	563	2814	91.1

Phụ lục IIIB
KẾ HOẠCH CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI
DO NGÀNH Y TẾ CẤP HUYỆN THỰC HIỆN NĂM 2021

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
1	Họp triển khai chương trình cấp huyện	01 lần	Tháng 7/2021	UBND huyện	TTYT huyện	Lồng ghép với các cuộc họp tuyến huyện	- Biên bản họp - Danh sách các đại biểu
2	Giám sát triển khai thực hiện chương trình và thực hiện giám sát xã vệ sinh toàn xã	- 12 đợt/ năm	Tháng 7-12/2021	TTYT huyện	UBND, trạm y tế và thôn bản	15.600	- Biên bản giám sát từng lần, Kế hoạch, báo cáo GS.
3	Hỗ trợ chi phí kiểm tra giám sát xây dựng mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh cho ban điều hành của 3 huyện: Vị Xuyên, Bắc Quang và Quang Bình (Thành phần: UBND huyện, Phòng Nông Nghiệp, Phòng Giáo dục, Lái xe, TTYT mỗi đơn vị 01 người)	6 đợt/ năm	Thời gian hàng tháng	TTYT huyện	Ban điều hành	16.200	-Kế hoạch giám sát, báo cáo kết quả
Cộng						31.800	

Phụ lục III C
KẾ HOẠCH CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI
CẤP XÃ, THÔN THỰC HIỆN NĂM 2021

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
I	ĐỐI VỚI XÃ DUY TRÌ NĂM 2021					40.500	
A	HOẠT ĐỘNG CẤP XÃ					4.500	
1	Hội nghị tổng kết chương trình và triển khai kế hoạch năm 2021	01 lần/năm	Tháng 8/2021	UBND xã	TYT xã các ban ngành xã	0	Biên bản hội nghị, danh sách đại biểu tham dự
2	Phát thông điệp trên loa phát thanh của xã	2 bài/tháng/xã x 6 tháng x 75.000đ/bài x 5 xã	Hàng tháng	UBND xã	TYT xã các ban ngành xã	4.500	- báo cáo truyền thông cấp thôn
3	Tiếp nhận và phân phát tờ rơi, poster		Tháng 11/2021	TTKSBT	TTYT huyện, UBND xã Trạm Y tế xã, Trường học,	0	- Ảnh chụp - Báo cáo
4	Chi hỗ trợ cán bộ trong ban điều hành đi kiểm tra giám sát mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh tại thôn 06 người/xã x 02 ngày/xã x 30.000 đ/ người/ngày+ Tổng 1 đợt : 360.000 đồng - Mỗi xã giám sát 2-3 đợt / tháng x 06 tháng - Mỗi đợt giám sát 60 hộ gia đình	100 đợt	Theo thời gian hàng tháng	UBND xã	TYT xã các ban ngành xã	36.000	- Kế hoạch kiểm tra - Báo cáo giám sát
4.1	Kiểm tra giám sát lấy mẫu nước xét nghiệm tại trường học và trạm y tế xã	01 đợt	Tháng 12/2021	TTKSBT tỉnh	TTYT huyện, trạm y tế	0	
B	HOẠT ĐỘNG CẤP THÔN					0	
5	Hoạt động truyền thông cấp thôn tại các xã VSTX						

TT	Tên hoạt động	Số lần	Thời gian dự kiến	Người thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Hồ sơ lưu
				Đầu mối	Phối hợp		
5.1	Họp dân tuyên truyền về vệ sinh 1 lần/thôn/năm + 01 lần lồng ghép với các cuộc họp trong thôn/năm	1 lần/ thôn/ năm	(Lồng ghép thực hiện)	Trưởng thôn	YTTB xã các ban ngành thôn	0	- Biên bản họp lồng ghép thôn của 01 lần
6	Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh *		(Lồng ghép thực hiện)	YTTB	Trưởng thôn	0	
7	Tiếp tục tuyên truyền về dịch vụ xây nhà tiêu của cửa hàng tiện ích		(Lồng ghép thực hiện)	Y TTB	Trưởng thôn	0	
8	Giám sát thực hiện		(Lồng ghép thực hiện)	TYT xã	Trưởng thôn, YTTB	0	

Phụ lục VA
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KINH PHÍ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI (BCC)
TỈNH HÀ GIANG NĂM 2021

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			Trung ương	Địa phương	
1	Ngành Y tế	337.000.000		337.000.000	
2	Ngành Giáo dục & Đào tạo	110.809.000		110.809.000	
Tổng cộng		447.809.000		447.809.000	
<i>(Bốn trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm linh chín nghìn đồng chẵn)</i>					

Phụ lục VB
DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI (BCC)
TỈNH HÀ GIANG NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BĐH, ngày / /2021 của Ban điều hành chương trình SupRSWS tỉnh Hà Giang)

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Phân nguồn vốn	
						Vốn WB	Vốn NS tỉnh
C	Hợp phần 3: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát				447.809		447.809
	Ngành Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) thực hiện				337.000		337.000
I	Tuyên Tỉnh				264.700		264.700
1	Hội nghị tổng kết năm 2020 và triển khai kế hoạch năm 2021 (Sở Y tế: 2, Sở GD: 1; TTKSBT: 2; Sở NN&PTNT: 1; TTNS&VSMT: 1; Ngân hàng chính sách XH: 1; Sở TC: 1; Sở KH: 1; 3 huyện: 6 = 16 người) (Lồng ghép với các cuộc họp giao ban của ngành Y tế)				0		0
2	Hỗ trợ xây dựng kế hoạch triển khai và kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình tại tuyến huyện, xã				68.102		68.102
2,1	Công tác phí cán bộ đi kiểm tra, giám sát xã bền vững				54.960		54.960

	CTP: 2 người x 150.000đ x 7 ngày = 2.100.000đ Ngủ xã: 2 người x 4 đêm x 100.000đ = 800.000đ Ngủ huyện: 2 người x 2 đêm x 200.000đ = 800.000đ Xăng xe bình quân: 22 lít x 20.000đ x 2 xe = 800.000đ Tổng 1 người đi công tác = 2.250.000đ Nội dung 1 đợt giám sát: + Kiểm tra giám sát 120 HGD xây dựng và cải tạo nhà vệ sinh + Giám sát 01 nhà vệ sinh Trạm y tế xã	Đợt	24	2.290	54.960		54.960
2.2	CTP cho Ban giám đốc và cán bộ đi dự hội nghị, hội thảo tại TW (Các bộ, ngành tổ chức)				13.142		13.142
	- Chi công tác phí: 3 người x 3 ngày/lần x 2 lần/năm	Ngày	18	150	2.700		2.700
	- Chi hỗ trợ tiền ngủ: 3 người x 2 đêm/lần x 2 lần/năm	Đêm	12	300	3.600		3.600
	- Chi phí đi lại (xăng xe và phí đường bộ) 490 km/lần x 2 lần * 0,2 lít /km	Lit	297	23	6.842		6.842
3	Tập huấn TOT cho cán bộ nông cốt tuyến tỉnh/huyện nâng cao năng lực truyền thông vệ sinh môi trường, lập kế hoạch và báo cáo (Thời gian tập huấn là 2 ngày/lớp). (Mỗi huyện 3 người: Trung tâm Y tế huyện 2 người, hội phụ nữ huyện 1 người, Sở giáo dục 2 người, trung tâm Kiểm soát bệnh tật 05 người, 10 xã vệ sinh toàn xã năm 2022 mỗi xã 02 người). 36 người				10.535		10.535
	Hỗ trợ 02 giảng viên (2 ngày)	Buổi	4	500	2.000		2.000
	Tài liệu VPP cho học viên	Bộ	37	70	2.625		2.625
	Thuê hội trường, máy chiếu	Ngày	2	2.000	4.000		4.000
	Maket	Cái	1	500	500		500

	Giải khát	Người	74	15	1.110		1.110
	Mua dụng cụ tập huấn (giấy A0, giấy màu, giấy A4, bút dạ....)	Bộ	5	60	300		300
4	Chương trình truyền thông (trên kênh thông tin đại chúng)				20.000		20.000
	Chuyên đề trên Truyền hình Hà Giang (HTV) cấp tỉnh thời lượng từ 5-10 phút; Mỗi tháng 1 lần	Lần	1	10.000	10.000		10.000
	Trên báo Hà Giang (4 quý/năm x 1.250.000 trang)	Trang	8	1.250	10.000		10.000
5	Xét nghiệm chất lượng nước cho trạm y tế và trường học				60.263		60.263
	Xét nghiệm nước sinh hoạt cho trạm y tế, trường học (1 lần/năm x 1 mẫu/trạm x 10 trạm, 33 trường) thuộc xã năm 2019 đạt vệ sinh toàn xã đề nghị kiểm đếm VSTX bền vững)	Mẫu	43				
5.1	Chi mua hoá chất xét nghiệm mẫu nước sinh hoạt				39.861		39.861
	Acid sulfuric	Lít	1	870	870		870
	Asen 1000 mg/L	500ml	1	1.980	1.980		1.980
	Amoni 1000 mg/L	500ml	1	1.984	1.984		1.984
	Canxi 1000 mg/L	500ml	1	1.980	1.980		1.980
	KMnO4 0,1N	Ống	1	1.986	1.986		1.986
	Axit Oxalic 0,1N	Ống	1	850	850		850
	Axit acetic	Lít	1	890	890		890
	O-Phenaltrolin	25g	1	2.320	2.320		2.320
	Sắt nitrat 1000 mg/L	500ml	1	1.980	1.980		1.980
	Dung dịch pH 4.01	Chai	1	1.370	1.370		1.370
	Dung dịch pH 6,86	Chai	1	1.370	1.370		1.370
	Dung dịch pH 9,18	Chai	1	1.370	1.370		1.370

	Dung dịch KCl	Chai	1	1.370	1.370		1.370
	Petrifiml Kiểm E. coli	Hộp	2	1.910	3.820		3.820
	Petrifiml Kiểm Coliforms	Hộp	2	1.850	3.700		3.700
	Parafin	Cuộn	2	1.200	2.400		2.400
	Giấy chỉ thị pH	Hộp	2	500	1.000		1.000
	Natrinitrua	Gam	1	3.634	3.634		3.634
	Magie EDTA	Gam	1	4.987	4.987		4.987
5.2	Công tác phí cho cán bộ đi lấy mẫu nước xét nghiệm				15.887		15.887
	CTP: 2 người x 150.000đ x 7 ngày = 2.100.000đ Ngủ xã: 2 người x 4 đêm x 100.000đ = 800.000đ Ngủ huyện: 2 người x 2 đêm x 200.000đ = 800.000đ Xăng xe bình quân: 18 lít x 23.000đ x 2 xe = 828.000đ Tổng 1 người đi công tác = 2.270.000đ Nội dung: lấy mẫu nước xét nghiệm trường học và trạm y tế	Đợt	7	2.270	15.887		15.887
5.3	Chi phí mua VPP, dụng cụ lấy mẫu nước	Mẫu	43	85	3.655		3.655
5.4	Chi tiền xe gửi mẫu nước xét nghiệm	Mẫu	43	20	860		860
6	Sản xuất tài liệu truyền thông và phân phối tài liệu truyền thông.				105.800		105.800
	Danh mục sản phẩm nhà tiêu HVS (Dành cho cán bộ chuyên trách của xã; ; CHTI: Cộng tác viên bán hàng:) bộ	Bộ	120	50	6.000		6.000
	Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch và thực hiện hợp phần vệ sinh nông thôn (dành cho cán bộ xã, thôn)	Quyển	100	140	14.000		14.000
	Sổ tay hướng dẫn xây dựng CHTI và mạng lưới bán hàng.	Quyển	20	150	3.000		3.000

	Định hướng chiến lược truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh hộ gia đình - Rửa tay bằng xà phòng và thúc đẩy thị trường vệ sinh.	Quyển	20	140	2.800		2.800
	In tờ rơi	Tờ			22.000		55.000
	Lắp đặt áp phích mỗi xã 2 áp phích tại trường học và Trạm y tế xã	Tranh	10		2.500		25.000
II	Tuyên Huyện				31.800		31.800
1	Tổng kết Chương trình và triển khai kế hoạch năm 2021	<i>Lồng ghép với các cuộc họp tuyển huyện</i>			0		
2	Giám sát triển khai thực hiện chương trình và thực hiện giám sát xã vệ sinh toàn xã bền vững				15.600		15.600
	CTP: 2 người x 150.000đ x 5 ngày = 1.500.000đ Ngủ xã: 2 người x 4 đêm x 100.000đ = 800.000đ Xăng xe bình quân: 13 lít x 23.000đ = 300.000đ Tổng 1 người đi công tác = 1.300.000đ Nội dung 1 đợt giám sát: + Kiểm tra giám sát xã vệ sinh toàn xã bền vững	Đợt	12	1.300	15.600		15.600
3	Hỗ trợ chi phí kiểm tra giám sát xây xã triển khai chương trình mới, xã duy trì bền vững, công trình vệ sinh trường học, công trình vệ sinh trạm y tế, công trình cấp nước cho ban điều hành của 3 huyện: Vị Xuyên, Bắc Quang và Quang Bình (Thành phần: UBND huyện, Phòng Nông Nghiệp, Phòng Giáo Dục, Lái xe, TTYT mỗi đơn vị 01 người)				16.200		16.200
	CTP: 5 người x 150.000đ x 02 ngày = 1,500.000đ Ngủ xã: 5 người x 2 đêm x 100.000đ = 500.000đ Xăng xe: 20 lít x 20.000đ = 400.000đ Tổng 5 người đi công tác = 2,700.000đ Nội dung 1 đợt : + Kiểm tra giám sát 03 - 04 xã mỗi xã	Đợt	6	2.700	16.200		16.200

III	Tuyên xã				40.500		40.500
1	Hội nghị Tổng kết Chương trình và triển khai kế hoạch năm 2021	<i>Lồng ghép với các cuộc họp tuyên xã</i>			0		
2	Phát thông điệp, tuyên truyền trên loa phát thanh của xã				4.500		4.500
	Chi hỗ trợ phát thanh (mỗi bài 1 trang, 350 từ): 2 bài/tháng/xã x 6 tháng x 75.000đ/tháng/ xã x 10 xã	Bài	60	75	4.500		4.500
3	Họp dân tuyên truyền về vệ sinh 1 lần/thôn/năm	<i>Lồng ghép với các cuộc họp trong thôn</i>					
4	Hỗ trợ chi phí kiểm tra giám sát xây dựng mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh cho ban điều hành của 10 xã về vệ sinh toàn xã bền vững				36.000		36.000
	Chi hỗ trợ cán bộ trong ban điều hành đi kiểm tra giám sát mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh tại thôn 06 người/xã x 02 ngày/xã x 30,000 đ/ người/ ngày + Tổng 1 đợt : 360.000 đồng/ xã - Mỗi xã giám sát 02-3 đợt /tháng x 06 tháng - Mỗi đợt giám sát 60 hộ gia đình	Đợt	100	360	36.000		36.000
	Ngành Giáo dục thực hiện				110.809		110.809
1	Hội nghị triển khai kế hoạch truyền thông năm 2021; thành phần: Lãnh đạo Sở Y tế; Sở Nông nghiệp; TT Kiểm soát bệnh tật; TT Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường: 04 người; Lãnh đạo, chuyên viên Sở GD&ĐT: 05 người; Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn phòng GD&ĐT: 02 người/phòng x 3 phòng = 6 người; Ban giám hiệu các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn 10 xã thuộc Chương trình vệ sinh toàn xã bền vững và 01 xã vệ sinh toàn xã năm 2021:	Người	77		6.465		6.465

	02 người/trường x 31 trường = 62 người (Tổng cộng 77 người).						
	Kinh phí thuê hội trường (Hội trường, Trang trí khánh tiết, Máy chiếu, phục vụ)	Ngày	1	3.000	3.000		3.000
	Kinh phí in tài liệu 77 bộ x 25.000 đ	bộ	77	25	1.925		1.925
	Nước uống giải khát 77 người x 20.000 đ	Người	77	20	1.540		1.540
2	Tập huấn triển khai các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch, vệ sinh trường học năm 2021; Thành phần: Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn phòng GD&ĐT: 02 người/phòng x 3 phòng = 6 người; Ban giám hiệu các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn 10 xã thuộc Chương trình vệ sinh toàn xã bền vững và 01 xã vệ sinh toàn xã năm 2021: 02 người/trường x 31 trường = 62 người (Tổng cộng 68 người).	Người	68		11.800		11.800
	Kinh phí thuê Hội trường, âm thanh, Market, Máy chiếu Projector, phục vụ hậu cần (Trọn gói).	Ngày	1	3.000	3.000		3.000
	Kinh phí chi cho báo cáo viên: 2 người x 1.000.000đ/ngày	Ngày	2	1.000	2.000		2.000
	Kinh phí in ấn tài liệu 68 bộ x 50.000 đ	Bộ	68	50	3.400		3.400
	Nước uống giải khát 68 người x 20.000 đ	Người	68	20	1.360		1.360
	Kinh phí mua văn phòng phẩm 68 người x 30.000	Người	68	30	2.040		2.040

3	In tài liệu truyền thông (Tranh, áp phích, đĩa DVD, tài liệu hướng dẫn rửa tay bằng xà phòng và sử dụng nhà tiêu HVS ...) đối với cấp học Mầm non, tiểu học và THCS tại 5 xã VSTX năm 2021.	Trường học	31		72.000		72.000
	In tài liệu, tranh tuyên truyền cấp Mầm non	Trường học	11	2.000	22.000		22.000
	In tài liệu, tranh tuyên truyền cấp Tiểu học	Trường học	9	2.500	22.500		22.500
	In tài liệu, tranh tuyên truyền cấp THCS, TH&THCS	Trường học	11	2.500	27.500		27.500
4	Công tác kiểm tra giám sát tại các trường thuộc xã VSTX năm 2021				20.544		20.544
	CTP: 6 người x 150.000đ/người/ngày x 4 ngày/đợt = 3.120.000đ Ngủ xã: 6 người x 1tối x 100.000đ/tối = 600.000đ Ngủ huyện: 6 người x 2 đêm x 200.000đ = 2.400.000đ Hỗ trợ tiền Xăng xe: 20 lít x 18.200đ x 2 xe = 728.000đ Nội dung 1 đợt giám sát: + Kiểm tra giám sát công tác tuyên truyền tại các trường học thuộc các xã VSTX năm 2021 và các xã kiểm đếm bền vững + Kiểm tra công tác xây dựng nhà vệ sinh, cấp nước trường học thuộc các xã VSTX năm 2021 và các xã kiểm đếm bền vững	đợt	3	6.848	20.544		20.544

Phụ lục VI
KHUNG HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG THAY ĐỔI HÀNH VI

CẤP TRIỂN KHAI	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
CẤP TỈNH	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn (cấp tỉnh, cấp huyện) 2. Xây dựng kế hoạch triển khai và giám sát thực hiện chương trình bao gồm cả văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan. 3. Tập huấn TOT cho các cán bộ nòng cốt cấp tỉnh, huyện về truyền thông, phát triển thị trường vệ sinh, giám sát đánh giá..... 4. Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền hình và báo) bao gồm (i) phát thông điệp truyền thông (dựa theo clip đã có), (ii) xây dựng và phát phóng sự/tọa đàm/bản tin truyền thông, (iii) Viết và đăng các bài trên báo/tập san. 5. Hướng dẫn và hỗ trợ lựa chọn mô hình kinh doanh và hoạt động phát triển thị trường: lựa chọn và tập huấn cửa hàng tiện ích, hộ trợ CHTI phát triển thị trường... 6. Tổ chức các sự kiện truyền thông vận động chính sách, cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng ngày vệ sinh yêu nước, ngày thế giới rửa tay với xà phòng, ngày nhà tiêu thế giới (ít nhất 1 năm/1 lần). 7. Hỗ trợ các huyện/xã triển khai thực hiện: giám sát, đánh giá. 8. Tổ chức các chuyến tham quan/chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương (xã với xã, huyện với huyện, tỉnh với tỉnh) 9. Kiểm tra và xét nghiệm chất lượng nước theo quy chuẩn cho trường học và trạm y tế 10. Phối hợp với Đơn vị kiểm đếm để xác nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã” 11. In ấn và phân phối tài liệu truyền thông theo hướng dẫn của Cục QLMTYT bao gồm sao chép tài liệu nghe nhìn (băng đĩa) và tài liệu truyền thông trực tiếp catalogue sản phẩm, poster, tờ rơi truyền thông, sổ tay hướng dẫn triển khai Chương trình tại các cấp, ... 12. Hỗ trợ huyện và xã giám sát để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã. 13. Hội thảo tổng kết cuối năm

CẤP TRIỂN KHAI	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
CẤP HUYỆN	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức hội nghị triển khai về chương trình vệ sinh: tầm quan trọng về vệ sinh, phương pháp thực hiện và sự hỗ trợ cần thiết của các cấp lãnh đạo để thúc đẩy vệ sinh nông thôn (<i>có thể lồng ghép với hội nghị của tỉnh</i>) 2. Xây dựng kế hoạch triển khai và hệ thống giám sát chương trình bao gồm văn bản cam kết và hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị/cấp liên quan. 3. Phối hợp với tỉnh để tổ chức các sự kiện truyền thông vận động cộng đồng như lễ mít tinh hưởng ứng ngày vệ sinh yêu nước, ngày thế giới rửa tay với xà phòng, ngày nhà tiêu thế giới. 4. Hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động phát triển thị trường: lựa chọn và tập huấn CHTI, hỗ trợ CHTI phát triển thị trường... 5. Tập huấn cho cửa hàng tiện ích, thợ xây và cộng tác viên bán hàng (có thể mấy huyện tổ chức 1 lớp) 6. Tập huấn cho cán bộ xã và tuyên truyền viên (có thể mấy huyện tổ chức 1 lớp) 7. Phối hợp với Đoàn kiểm đếm công nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã 8. Hỗ trợ các huyện/xã triển khai thực hiện: giám sát, đánh giá, 9. Hội thảo tổng kết cuối năm (<i>lồng ghép với hội nghị của tỉnh</i>) 10. Giám sát xã để duy trì tính bền vững với các xã đã đạt vệ sinh toàn xã.
CẤP XÃ, THÔN	<ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng văn bản cam kết của lãnh đạo xã thực hiện chương trình đạt vệ sinh toàn xã 2. Hội nghị triển khai chương trình vệ sinh nông thôn 3. Lập kế hoạch triển khai và giám sát, hỗ trợ thực hiện ở các thôn 4. Tổ chức các sự kiện truyền thông về vệ sinh như lễ phát động, ngày hội vệ sinh đầy mạnh phong trào thi đua thúc đẩy vệ sinh giữa các thôn (1 lần/năm). 5. Lắp đặt các cụm pano, áp phích truyền thôn, vẽ tranh tường về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường tại các trạm y tế xã, trường học và nơi công cộng. 6. Phát chương trình vệ sinh trên loa phát thanh của xã 7. Hỗ trợ tổ chức hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trường học

CẤP TRIỂN KHAI	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
	<p>8. Giám sát, hỗ trợ hoạt động ở thôn, báo cáo định kỳ Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập công nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã”</p> <p>9. Họp giao ban và Báo cáo định kỳ</p> <p>10. Tổ chức kích hoạt cho những địa bàn phù hợp nếu cần thiết</p> <p>11. Lập bản đồ vệ sinh thôn/bản</p> <p>12. Họp thôn về vệ sinh (ít nhất 1 lần/thôn)</p> <p>13. Thăm hộ gia đình vận động xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh</p> <p>14. Phối hợp với Đoàn đánh giá độc lập và xác nhận các xã đạt “vệ sinh toàn xã”</p> <p>15. Tổ chức công nhận đạt vệ sinh toàn xã</p>
TRƯỜNG HỌC	<p>1. Tập huấn TOT cho sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, và Ban giám hiệu/giáo viên: mầm non, tiểu học</p> <p>2. Triển khai các hoạt động truyền thông trong trường học: tuyên truyền trong lễ chào cờ, giờ ngoại khóa, qua hoạt động của đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.</p> <p>3. In ấn tài liệu truyền thông và hướng dẫn sử dụng cho các trường học</p> <p>4. Duy trì hoạt động truyền thông vào các hoạt động thường xuyên của trường học.</p>